

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG NHẬT ANH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG NHẬT ANH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108906382

**3. Ngày thành lập:** 19/09/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 22 ngách 28/32/48 phố Đỗ Đức Dục, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                              | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                      | 4101        |
| 2.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                | 4102        |
| 3.  | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                           | 4212        |
| 4.  | Xây dựng công trình điện                                                                                               | 4221        |
| 5.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                    | 4222        |
| 6.  | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                     | 4223        |
| 7.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                             | 4299        |
| 8.  | Phá dỡ                                                                                                                 | 4311        |
| 9.  | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                      | 4312        |
| 10. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                         | 4330        |
| 11. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                     | 4649        |
| 12. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                              | 8230        |
| 13. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý hàng hóa                                                        | 4610        |
| 14. | Bán buôn tổng hợp<br>(trừ loại cấm)                                                                                    | 4690(Chính) |
| 15. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>(không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường); | 5610        |
| 16. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên<br>với khách hàng                                            | 5621        |
| 17. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                             | 3312        |
| 18. | Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)                              | 3315        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                        |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 19. | Sửa chữa thiết bị khác                                                                                                                                                                                                                                                 | 3319 |
| 20. | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác<br>(trừ đấu giá)                                                                                                                                                                                                                   | 4511 |
| 21. | Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)                                                                                                                                                                                                                            | 4512 |
| 22. | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác<br>(trừ đấu giá)                                                                                                                                                                                                                     | 4513 |
| 23. | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                         | 4520 |
| 24. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>(trừ đấu giá)                                                                                                                                                                                    | 4530 |
| 25. | Bán mô tô, xe máy<br>(trừ đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                     | 4541 |
| 26. | Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                                                                    | 4542 |
| 27. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy<br>(trừ đấu giá)                                                                                                                                                                                                 | 4543 |
| 28. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                 | 7710 |
| 29. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải                                                                                                                                                                                                                    | 5229 |
| 30. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                            | 5210 |
| 31. | Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                | 8110 |
| 32. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.                                                                                                                                   | 8299 |
| 33. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                         | 4933 |
| 34. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: - Dịch vụ tư vấn bất động sản;<br>- Dịch vụ môi giới bất động sản;<br>(trừ đấu giá)<br>Điều 3, Điều 62 Luật KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN số 66/2014/QH13 ban hành ngày 25 tháng 11 năm 2014. | 6820 |
| 35. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                | 4663 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: **VŨ VĂN ĐUA**

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: *19/10/1971*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *012175922*

Ngày cấp: *11/07/2011*

Nơi cấp: *Công an Hà Nội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 22 ngách 28/32/48 phố Đỗ Đức Dục, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 5E ngách 10/575 ngõ 575 phố Kim Mã, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: **VŨ VĂN ĐUA**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *19/10/1971*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *012175922*

Ngày cấp: *11/07/2011*

Nơi cấp: *Công an Hà Nội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 22 ngách 28/32/48 phố Đỗ Đức Dục, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 5E ngách 10/575 ngõ 575 phố Kim Mã, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** **Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội**